TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 158/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 01 -11-2019

V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Công Dịnh

2. Ông Lê Bình Triệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân **huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau** *tham gia phiên toà:* Ông Võ Hồng Quân, Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 334/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 347/2019/QĐXX-ST ngày 25 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Quách Thị Kiều N, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn (Hoàn) Đ, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 05/8/2019 cũng như tại phiên tòa chị Quách Thị Kiều N trình bày:*

Chị N và anh Đ tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 12/12/2009. Thời gian chung sống phát sinh mâu thuẫn, anh Đ không lo cho gia đình nên vợ chồng ly thân từ ngày 18/6/2014 đến nay. Do chị N và anh Đ không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị N yêu cầu ly hôn với anh Đ.

Con chung tên Nguyễn Đức T, sinh ngày 20/8/2010 (giới tính nam) và Nguyễn Ngọc Trâm A, sinh ngày 18/4/2014 (giới tính nữ). Con chung hiện chị N nuôi dạy . Khi ly hôn chị N yêu cầu tiếp tục nuôi dạy nhưng không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Không có nên chị N không yêu cầu giải quyết.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định.

Về nội dung: Chị N và anh Đ chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị N yêu cầu ly hôn với anh Đ. Căn cứ vào hồ sơ và trình bày của chị N tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho chị N và anh Đ được ly hôn; con chung cần tiếp tục giao chị N nuôi dạy, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung không có nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp:

[1] Chị Quách Thị Kiều N khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Nguyễn Văn (Hoàn) Đ. Do chị N và anh Đ chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; anh Đ có địa chỉ tại ấp B, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo

quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và có tống đạt hợp lệ cho anh Đ nhưng anh Đ không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu của chị N và vắng mặt tại phiên họp, hòa giải không có lý do. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử và có tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng này cho anh Đ nhưng anh Đ vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Đ theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Chị Quách Thị Kiều N và anh Nguyễn Văn (Hoàn) Đ tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 12/12/2009. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Đ đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa chị N yêu cầu ly hôn với anh Đ. Vì chị N cho rằng thời gian chung sống anh chị không hợp nhau, anh Đ không lo cho gia đình vợ con nên anh chị đã ly thân từ ngày 18/6/2014 đến nay. Xét thấy, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để chị N và anh Đ có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do anh Đ vắng mặt tại các lần hòa giải, xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho chị Quách Thị Kiều N và anh Nguyễn Văn (Hoàn) Đ được ly hôn là phù hợp.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống, chị N và anh Đ có một 02 (hai) người con chung tên Nguyễn Đức T, sinh ngày 20/8/2010 (giới tính nam) và Nguyễn Ngọc Trâm A, sinh ngày 18/4/2014 (giới tính nữ). Xét thấy, chị N yêu cầu nuôi dạy con chung là có căn cứ. Bởi vì, con chung hiện chị N nuôi dạy, việc hoán đổi nuôi con sẽ làm ảnh hưởng đến tình cảm của các cháu. Hơn nữa, cháu T đã trên 07 tuổi và tại biên bản ghi lời khai ngày 03/9/2019 cháu T có yêu cầu nguyện vọng được tiếp tục chung

sống với chị N. Mặt khác, Tòa án có tống đạt thông báo thụ lý để thông báo cho anh Đ biết việc chị N có yêu cầu nuôi dạy con chung nhưng anh Đ không có văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị N. Do đó, cần tiếp tục giao con chung cho chị N nuôi dạy là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa, chị N không yêu cầu anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Thời gian chung sống, chị N và anh Đ không có tài sản chung nên chị N không yêu cầu giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Xét thấy, tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa, chị N xác định thời gian chung sống vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết là có căn cứ. Bởi vì, tại đơn xác nhận ngày 06/8/2019 của Ủy ban nhân dân thị trấn TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau và xác nhận ngày 13/8/2019 của Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xác nhận không có đơn yêu cầu liên quan đến nợ đối với chị N và anh Đ tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Quách Thị Kiều N phải chịu án phí – Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 56, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn (Hoàn) Đ.

2.Về hôn nhân: Chị Quách Thị Kiều N và anh Nguyễn Văn (Hoàn) Đ được ly hôn.

3. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Đức T, sinh ngày 20/8/2010 (giới tính nam) và Nguyễn Ngọc Trâm A, sinh ngày 18/4/2014 (giới tính nữ) cho chị Quách Thị Kiều N tiếp tục nuôi dạy. Anh Nguyễn Văn (Hoàn) Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ không trực tiếp nuôi dạy con chung nhưng anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Quách Thị Kiều N phải nộp 300.000 đ *(Ba trăm nghìn đồng).* Vào ngày 06 tháng 8 năm 2019 chị N có dự nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0010597 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

6.Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bản án này là sơ thẩm, báo cho chị N biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Đ vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND huyện Thới Bình;
-Chi cục THADS huyện Thới Bình;
-TAND tỉnh Cà Mau;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Kiều Trang